



ROYAL SECURITIES

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA



MỤC LỤC

I.	TỔNG QUAN VỀ ROSE	2
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
4.	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5.	Định hướng phát triển	4
6.	Các rủi ro:.....	4
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	5
1.	Tình hình hoạt động	5
2.	Tổ chức và nhân sự	6
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	7
4.	Tình hình tài chính	7
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	8
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	9
1.	Đánh giá kết quả	9
2.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	9
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY	10
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	10
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	10
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	11
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	11
1.	Hội đồng quản trị.....	11
2.	Các nghị quyết/ quyết định của HĐQT	11
3.	Ban Kiểm soát.....	11
4.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	11
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN.....	11

I. TỔNG QUAN VỀ ROSE

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hoàng Gia (ROSE)
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014, số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2016, số 04/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2016 và số 12/GPĐC-UBCK ngày 30/1/2018.
- Vốn điều lệ: 55 tỷ đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh,
- Điện Thoại: (028) 3824 7948
- Fax: (028) 3824 7950
- Web: www.rose.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

ROSE đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép kinh doanh số: 51/UBCKNNNGPHĐKD NGÀY 29/12/2006

Các dịch vụ được cung cấp bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

Vốn điều lệ ban đầu: 20 tỷ đồng.

Quá trình phát triển của ROSE có thể tóm tắt như sau:

- Ngày 05/06/2007, ROSE là thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, Đây cũng là ngày đầu tiên ROSE chính thức khai trương hoạt động sau gần 6 tháng chuẩn bị các điều kiện hoạt động;
- Ngày 19/09/2007, ROSE là thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng theo quyết định điều chỉnh số 223/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- 09/09/2009: Chính thức sử dụng công nghệ giao dịch TTL, một nhà cung cấp phần mềm có trụ sở chính tại Hongkong trong các dịch vụ môi giới, lưu lý, chuyển tiền online, giao dịch trực tuyến, giao dịch internet;
- 01/06/2010: Chuyển trụ sở chính từ 106 Nguyễn Huệ, Quận 1 về 15 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 55 tỷ đồng theo quyết định số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

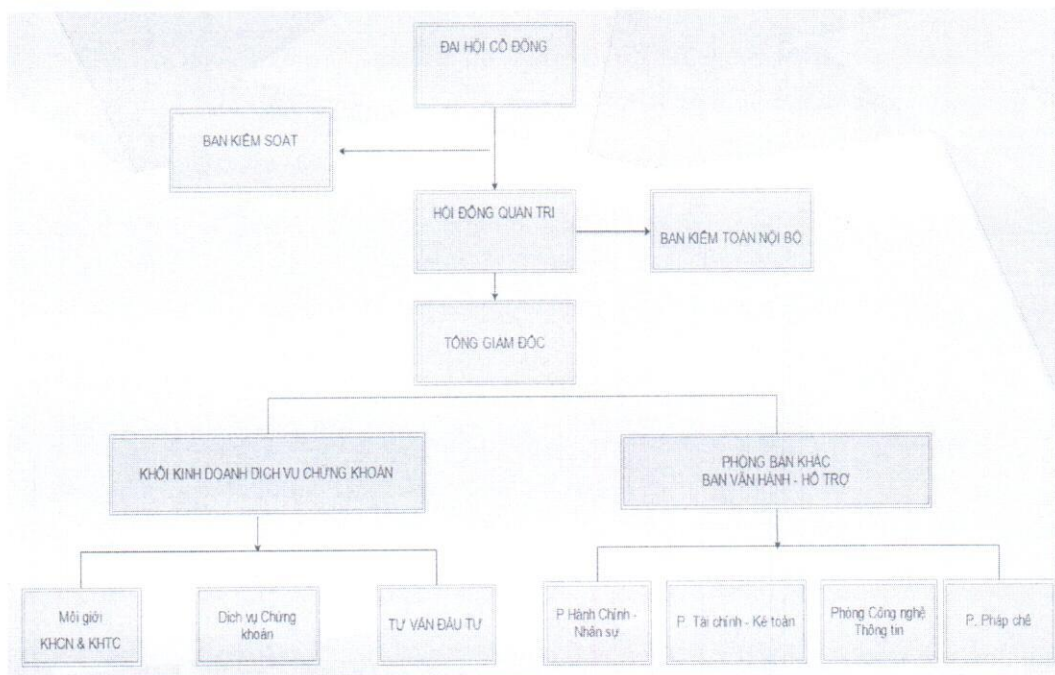
a. Ngành nghề kinh doanh

- ⚡ Môi giới chứng khoán: thực hiện chức năng môi giới mua, bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết, bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trên thị trường chứng khoán Việt Nam cho khách hàng dưới các hình thức nhận lệnh trực tiếp từ khách hàng hoặc nhận lệnh qua hệ thống Fax, điện thoại, giao dịch trực tuyến;
- ⚡ Ở tư vấn đầu tư chứng khoán: tư vấn tài chính dành cho các cá nhân và các doanh nghiệp;
- ⚡ Lưu ký chứng khoán: thực hiện việc lưu giữ, bảo quản chứng khoán, các chứng từ có giá của khách hàng an toàn, hiệu quả và giúp khách hàng thực hiện các quyền của mình đối với chứng khoán theo đúng quy trình và quy định của các Sở Giao dịch chứng khoán.

b. Địa bàn kinh doanh: Tp. Hồ Chí Minh

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị



- b. Bộ máy quản trị của ROSE được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định Pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của ROSE đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông**

thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng Ban. Cơ cấu bộ máy quản lý

5. Định hướng phát triển đến năm 2020

- Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính chứng khoán, với mục tiêu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện nghĩa vụ đầy đủ với Ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo các cán bộ nhân viên tác nghiệp chuẩn xác, nhanh chóng và trách nhiệm về công việc đang phụ trách. Đây là yếu tố quan trọng nhất để quyết định sự thành công của Công ty. Cơ cấu lại tổ chức Công ty nhằm phát triển chuyên nghiệp hóa nghiệp vụ và chức năng của từng đơn vị;
- Xây dựng mở rộng đối tượng khách hàng, tập trung vào đối tượng khách hàng là nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước với tiêu chí lấy chất lượng phục vụ làm yếu tố tạo nên sự khác biệt. Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng theo quy định của UBCK để thu hút khách hàng giao dịch tại Công ty.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro xảy ra do hoạt động của Công ty: Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, lỗi quy trình nghiệp vụ, lỗi do con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh hoặc do các nguyên nhân khác quan khác ví dụ: nhân viên đặt nhầm lệnh, môi giới giả mạo chữ ký của khách hàng.....Để phòng tránh các rủi ro này Công ty thường xuyên xây dựng quy chế rà soát kiểm soát chéo giữa các đơn vị với nhau, xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp, hệ thống dự phòng kỹ thuật, tổ chức đào tạo chuyên môn cho CBNV toàn hệ thống....;
- Rủi ro thanh toán: Là rủi ro xảy ra khi khách hàng không thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết xảy ra tổn thất về vốn cho Công ty. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với các đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu như đối tác, khách hàng không thanh toán đúng tiến độ cam kết.....;
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi Công ty không cân đối kịp nguồn vốn thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ hoặc do không quản lý tách bạch tiền của Nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản

mà Công ty đầu tư dẫn tới công ty không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong thời gian ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty chứng khoán đã dự trữ một lượng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh khoản cần thiết;

- Rủi ro pháp lý: Xảy ra khi công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiện tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành, Pháp chế giám sát hàng ngày, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị phòng ban trong hệ thống tuân thủ thực hiện. Đơn vị Pháp chế của Công ty hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý, xây dựng các quy trình, quy chế hiện hành.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động

a. Môi trường kinh doanh

- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán trong nước có nhiều biến động, mặc dù Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo sát sao và toàn thể Ban điều hành cũng như CBNV đã cố gắng nỗ lực nhưng kết quả kinh doanh 2017 vẫn âm và chưa có lợi nhuận dương theo đúng mong muốn của các cổ đông.

b. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	2016	2017
1. Doanh thu	6,785,044,060	4,505,035,935
- Môi giới chứng khoán	518,070,840	428,206,403
- Đầu tư chứng khoán, góp vốn	0	0
- Tư vấn	4,555,454,546	1,646,065,092
- Lưu ký	65,937,820	21,998,946
- Doanh thu khác	1,446,664,491	2,203,551,363
- Thu nhập khác	198,916,363	205,214,131
2. Chi phí	7,782,605,197	5,773,088,340
- Chi phí hoạt động kinh doanh	3,523,321,257	1,968,086,070
- Chi phí quản lý	4,144,028,940	3,805,002,270
- Chi phí khác	115,255,000	115,255,000
3. Lợi nhuận	-997,561,137	-1,268,052,405

- Tổng doanh thu của công ty năm 2017 là 4,5 tỉ đồng, giảm gần 2,2 tỷ đồng so với năm 2016. Doanh thu giảm chủ yếu do giảm mạnh doanh thu tư vấn, doanh thu môi giới có giảm nhưng không đáng kể, doanh thu khác tăng nhưng không thể bù đắp nổi phần giảm của doanh thu tư vấn mang lại.
- Tổng chi phí của công ty năm 2017 là 5,8 tỷ đồng, giảm khoảng 25,8% so với năm trước.
- Lợi nhuận: Mặc dù công ty đã có các biện pháp khắc phục việc giảm doanh thu tư vấn bằng cách tăng các khoản doanh thu khác để bù đắp và đồng thời giảm tối đa các khoản chi phí phát sinh, tuy nhiên chưa khắc phục được kết quả kinh doanh năm 2017 dẫn đến lỗ gần 1,2 tỷ đồng

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên BDH	Chức vụ
Ban Điều hành:		
1	Nguyễn Thanh Nguyên Vũ	Giám đốc điều hành
Các cán bộ quản lý:		
1	Nguyễn Thị Tố Uyên	Kế toán Trưởng
2	Vương Hồ Trí Dũng	Phụ trách P.Môi giới
3	Nguyễn Nhật Hải	Phụ trách P.Kiểm soát nội bộ
4	Nguyễn Việt Thanh	Phụ trách P.Công nghệ thông tin

b. Tóm tắt lý lịch:

Danh sách Ban điều hành không có tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

- ❖ Ông Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
 - Chức vụ hiện tại: Giám đốc Điều hành
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Sinh ngày: 02/02/1982
 - Quê quán: Tp.Hồ Chí Minh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- ❖ Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
 - Chức vụ hiện tại: Kế toán Trưởng

- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 07/09/1979
- Quê quán: Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động.

Tổng số CBNV công ty năm 2017 : 11 người

Trong đó:

- + Trình độ Cao học : 01 người;
- + Trình độ Đại học : 08 người
- + Trình độ Cao đẳng : 01 người.
- + Trình độ THCN : 01 người

Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, lương bình quân của CBNV Công ty năm 2017 là 14,2 triệu đồng/người/tháng.

- Về tiền lương: Chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động và phù hợp với quy định của pháp luật
- Về phụ cấp và bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết Hợp đồng lao động chính thức, đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo đúng quy định của Pháp luật
- Chế độ làm việc: Công ty luôn tuân thủ quy định về Pháp luật lao động như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

d. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Không thay đổi

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

Không phát sinh

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Không phát sinh.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	37,703,300,275	36,264,342,538
Doanh thu thuần	6,527,202,897	4,371,651,026
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1,081,222,500	-1,401,437,314
Lợi nhuận khác	83,661,363	133,384,909
Lợi nhuận trước thuế	-997,561,137	-1,268,052,405
Lợi nhuận sau thuế	-997,561,137	-1,268,052,405

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	2016	2017
Quy mô vốn		
- Vốn điều lệ	55,000,000,000	55,000,000,000
- Tổng tài sản có	37,703,300,275	36,264,342,538
- Tỷ lệ an toàn vốn	247,33%	281%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng
1.	Tổng số cổ phần đang lưu hành	5.500.000
2.	Trong đó:	
3.	- Tự do chuyển nhượng	5.500.000
4.	- Hạn chế chuyển nhượng	0

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ (%)
1.	Theo tỷ lệ sở hữu	
	- Cổ đông lớn	100%
	- Cổ đông nhỏ	0%
2.	Theo chủ thể sở hữu	
	- Tổ chức	0%
	- Cá nhân	100%
3.	Theo phạm vi lãnh thổ	
	- Trong nước	100%
	- Ngoài nước	0%
4.	Theo hình thức sở hữu	
	- Nhà nước	0%
	- Tư nhân	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm: không
- Chào bán riêng lẻ: không,
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: không
- Chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền: không,
- Phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu: không,

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: không,
- Liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không,

e. Các chứng khoán khác:

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá kết quả**

Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế nói chung và tình hình Công ty nói riêng, Thành viên Ban giám đốc đã có những đóng góp tích cực trong cuộc họp với HĐQT, lãnh đạo công ty từ khó khăn từng bước cải thiện và đi lên và đạt những kết quả đáng tích cực

- Xử lý tồn đọng trong công tác quản lý điều hành từ BDH cũ;
- Tỷ lệ An toàn tài chính của Công ty luôn trong mức an toàn;
- Tăng cường thể mạnh của Công ty trong lĩnh vực môi giới và tư vấn, từng bước đem đến doanh thu các mảng này cho Công ty và có lợi nhuận trong năm 2017.

2. Kế hoạch phát triển trong năm 2018**a) Nền kinh tế của Việt nam 2018**

- Mục tiêu tăng trưởng GDP của Quốc Hội : 6.7%;
- Chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI): 4%;
- Kim ngạch xuất khẩu tăng: 8%-10%;
- Mục tiêu tăng trưởng tín dụng của NHNN: 17% cho toàn ngành Ngân hàng;
- Dự báo mức giảm giá VND trong năm 2018 sẽ vào khoảng 2%;
- Dự báo mặt bằng lãi suất của 2018 sẽ tương đối ổn định và chỉ biến động nhẹ quanh mức so với năm 2017;
- Ngân sách tiếp tục tình trạng bội chi, dự kiến mức bội chi NSNN là 204.000 tỷ đồng tương đương.

b) Mục tiêu chính của ROSE

- Thay đổi mô hình tổ chức cho phù hợp với quản trị hiện đại của thị trường Chứng khoán;
- Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro nhằm mục đích đưa hoạt động Môi giới theo hướng an toàn, bền vững;
- Mở rộng các sản phẩm tài chính cho khách hàng;
- Kích hoạt lại tài khoản khách hàng hiện hữu, phát triển đội ngũ Môi giới để tìm kiếm khách hàng mới thông qua các chính sách sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- Phát triển nhân sự để đáp ứng sự chuyên nghiệp hóa;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT, các tiện ích giao dịch trực tuyến.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Công ty trong năm vừa qua đã chấp hành các nghĩa vụ Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, chấp hành việc nộp các Báo cáo đúng hạn cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật liên quan đến chứng khoán;
- Nhân viên công ty luôn tôn trọng khách hàng, nhiệt tình tư vấn và quản lý danh mục khách hàng, bảo vệ được nhà đầu tư không thất thoát tài sản, chống các hành vi gian lận trong chứng khoán;
- HĐQT thường xuyên đóng góp ý kiến cho BĐH công ty, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh cao, giúp BĐH có những đánh giá tình hình, định hướng, đưa ra những quyết định đúng và kịp thời, quan trọng tạo niềm tin cho toàn thể nhân viên ROSE;
- Xây dựng được văn hóa công ty, coi trọng con người và sự phát triển của con người, hoạt động tập thể phong phú nhằm tăng sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, tạo động lực cho phát triển.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc trong ty trong năm vừa qua đã tuân thủ chặt chẽ Điều lệ của Công ty, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc cán bộ nhân viên ROSE hoàn thành tiến độ công việc đã hoạch định;
- Hoàn tất dự thảo kế hoạch kinh doanh trong năm 2017 để trình ĐHĐCĐ thường niên; Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 23/04/2018 tại Trụ sở công ty cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia- Số 15 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh;

- Ban Giám đốc thường xuyên bắt kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động, từ đó đưa ra những định hướng phù hợp tạo điều kiện cho Ban Giám đốc có thể điều hành một cách linh hoạt và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018

Năm 2018, HĐQT công ty sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát hoạt động kinh doanh của ROSE theo các định hướng sau:

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch 2018 được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 555 tỷ đồng trong năm 2018;
- Bổ sung thêm các nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, tự doanh;
- Tiếp tục mở rộng hoạt động môi giới và các dịch vụ tài chính đi kèm theo thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển các sản phẩm và tiện ích mới nhằm đa dạng hóa các dịch vụ tài chính;
- Tiếp tục rà soát và ban hành mới các Quy trình, Quy chế, Quy định của Công ty nhằm chuẩn hóa các mặt hoạt động của Công ty;
- Tuyển dụng thêm nhân sự có chuyên môn, trình độ, có khả năng tìm kiếm và phát triển khách hàng;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty;
- Xây dựng chính sách KPIs, phân bổ kế hoạch cho từng nhân viên và đánh giá đúng năng lực để có cơ chế đào tạo, khuyến khích phù hợp.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN (đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA



PHẠM THỊ NHẬT THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động	8 – 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Nhật Thanh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)
Bà Huỳnh Thị Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)
Ông Huỳnh Đăng Khoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)
Ông Võ Duy Đạo	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)
Ông Trần Xuân Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)
Bà Tạ Thị Phương Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017)

Ông Hoàng Mạnh Tiến là Trưởng ban Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

Ông Nguyễn Thanh Nguyên Vũ là Giám đốc điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



Phạm Thị Nhật Thanh

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 18.108-1/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5 - C
TY
AN
OAN
GIA
CH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Hải Yến
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2843-2016-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIAĐịa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B01 - CTCK(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		31.822.779.769	32.743.953.446
I. Tài sản tài chính	110		31.726.863.993	32.633.972.149
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5.1	26.865.115.915	28.190.223.832
1.1. Tiền	111.1		765.115.915	678.223.832
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		26.100.000.000	27.512.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		2.907.000	2.907.000
3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	2.650.000.000
4. Các khoản phải thu	117		253.000.000	278.000.239
4.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		253.000.000	278.000.239
4.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		253.000.000	278.000.239
5. Trả trước cho người bán	118	5.3	717.331.654	595.331.654
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	5.4	9.041.785.295	6.070.785.295
7. Các khoản phải thu khác	122	5.5	755.501.204	755.501.204
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	5.6	(5.908.777.075)	(5.908.777.075)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		95.915.776	109.981.297
1. Tạm ứng	131		14.903.000	49.455.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		78.012.776	57.526.297
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		3.000.000	3.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		4.441.562.769	4.959.346.829
I. Tài sản cố định	220		2.496.592.320	3.047.009.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.708.280.428	1.896.559.682
- Nguyên giá	222		5.352.280.525	5.272.530.525
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.644.000.097)	(3.375.970.843)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	788.311.892	1.150.449.763
- Nguyên giá	228		6.360.459.826	6.236.825.426
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(5.572.147.934)	(5.086.375.663)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		151.752.100	-
III. Tài sản dài hạn khác	250		1.793.218.349	1.912.337.384
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		708.793.548	708.793.548
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		30.318.869	206.956.271
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	5.9	1.054.105.932	996.587.565
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		36.264.342.538	37.703.300.275

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		271.020.718	441.926.050
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		271.020.718	441.926.050
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	16.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	5.10	197.539.542	200.248.465
3. Phải trả người lao động	323		6.886.195	15.012.414
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		14.561.355	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		52.033.626	210.665.171
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		35.993.321.820	37.261.374.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11.1	35.993.321.820	37.261.374.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.11.2	55.000.000.000	55.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		55.000.000.000	55.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(19.006.678.180)	(17.738.625.775)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(19.006.678.180)	(17.738.625.775)
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		36.264.342.538	37.703.300.275



Phê Duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
 Giám đốc điều hành

Được ủy quyền theo Quyết định
 số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên
 Kế toán trưởng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005	5.12	-	3,82
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		194	194
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	5.12	4.178.529	20.404.136
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		4.129.219	12.102.502
b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	8.301.524
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		49.310	110
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		82.679	100.003
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		82.679	100.003
3. Tiền gửi của khách hàng	026	5.12	2.338.053.536	1.449.049.098
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2.338.053.536	1.148.412.745
3.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	300.636.353
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	5.12	2.142.664.636	1.253.660.198
5. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033	5.12	13.361.150	13.361.150
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	5.12	182.027.750	182.027.750



Phê Duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
Giám đốc điều hành
Được ủy quyền theo Quyết định
số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIAĐịa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số 02 - CTCK(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	5.13	800.073.100	26.141.500
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		800.073.100	26.076.000
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	65.500
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	5.13	1.403.478.263	1.361.598.191
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	5.14	428.206.403	518.070.840
1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	5.14	281.818.182	-
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	5.14	21.998.946	65.937.820
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	5.14	1.364.246.910	4.555.454.546
Cộng doanh thu hoạt động	20		4.299.821.804	6.527.202.897
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.530.566.202	1.839.030.250
2.2. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		158.049.922	-
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		196.022.718	76.008.591
2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		76.222.224	1.541.407.325
2.5. Chi phí các dịch vụ khác	32		7.225.004	66.875.091
Cộng chi phí hoạt động	40	5.15	1.968.086.070	3.523.321.257
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		279.724	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		71.549.498	58.924.800
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		71.829.222	58.924.800

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIAĐịa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số 02 - CTCK(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	5.16	3.805.002.270	4.144.028.940
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(1.401.437.314)	(1.081.222.500)
VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
6.1. Thu nhập khác	71		133.384.909	198.916.363
6.2. Chi phí khác	72		-	115.255.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		133.384.909	83.661.363
VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(1.268.052.405)	(997.561.137)
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(1.268.052.405)	(997.561.137)
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(1.268.052.405)	(997.561.137)
IX. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
9.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	5.11.4	(231)	(181)
9.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	5.11.4	(231)	(181)



Phê Duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
Giám đốc điều hành

Được ủy quyền theo Quyết định
số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(1.268.052.405)	(997.561.137)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		753.801.525	864.548.490
Khấu hao TSCĐ	03		753.801.525	776.101.490
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	88.447.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(398.202.170)	3.105.416.385
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		2.650.000.000	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		25.000.239	(278.000.239)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(2.971.000.000)	4.620.000.000
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		-	(11.504.825)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		68.702.923	(635.810.306)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(158.631.545)	(153.219.843)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		-	149.408.635
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(16.000.000)	(78.370.776)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(44.668.580)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		11.852.432	(461.430.095)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(8.126.219)	15.012.414
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	(16.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(912.453.050)	2.972.403.738
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(355.136.500)	(207.900.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	26.808.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(355.136.500)	(181.092.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay gốc	73		(57.518.367)	-
1.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		(57.518.367)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(57.518.367)	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(1.325.107.917)	2.791.311.738
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
- Tiền	101.1		678.223.832	20.370.958.521
- Các khoản tương đương tiền	101.2		27.512.000.000	5.027.953.573
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm				
- Tiền	103.1	5.1	765.115.915	678.223.832
- Các khoản tương đương tiền	103.2		26.100.000.000	27.512.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
I. hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		202.069.263.000	347.527.558.794
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(66.041.121.100)	(347.294.916.854)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		62.746.276.713	-
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(197.864.291.387)	-
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(21.122.788)	(65.937.820)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		889.004.438	166.704.120
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		1.449.049.098	1.282.344.978
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		1.449.049.098	1.282.344.978
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý				
Trong đó có kỳ hạn	32		1.148.412.745	1.014.251.424
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		300.636.353	268.093.554
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		2.338.053.536	1.449.049.098
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	5.13	2.338.053.536	1.449.049.098
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý				
Trong đó có kỳ hạn	42		2.338.053.536	1.148.412.745
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	300.636.353



Phê Duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
Giám đốc điều hành

Được ủy quyền theo Quyết định
số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIAĐịa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 04 - CTCK(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 01/01/2017	Năm 2016		Năm 2017		Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 31/12/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu		38.258.935.362	37.261.374.225	-	997.561.137	-	1.268.052.405	37.261.374.225	35.993.321.820
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(16.741.064.638)	(17.738.625.775)	-	997.561.137	-	1.268.052.405	(17.738.625.775)	(19.006.678.180)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(16.741.064.638)	(17.738.625.775)	-	997.561.137	-	1.268.052.405	(17.738.625.775)	(19.006.678.180)
Cộng		38.258.935.362	37.261.374.225	-	997.561.137	-	1.268.052.405	37.261.374.225	35.993.321.820



Phê duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
Giám đốc điều hành

Được ủy quyền theo Quyết định
số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy phép số 12/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 01 năm 2018.
- Quyết định số 354/UBCK-GP ngày 11 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh nội dung giấy phép thành lập ban đầu.
- Giấy chứng nhận thành viên lưu ký lần đầu số 54/GCNTVLK ngày 15 tháng 02 năm 2007 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Phạm Thị Nhật Thanh	Việt Nam	19.600.000.000	35,64	-	-
Bà Huỳnh Thị Thu Trang	Việt Nam	14.700.000.000	26,73	-	-
Ông Huỳnh Đăng Khoa	Việt Nam	14.700.000.000	26,73	-	-
Ông Trần Xuân Huy	Việt Nam	-	-	19.600.000.000	35,64
Ông Võ Duy Đạo	Việt Nam	-	-	14.700.000.000	26,73
Bà Tạ Thị Phương Trang	Việt Nam	-	-	14.700.000.000	26,73
Ông Đoàn Nguyên Thu	Việt Nam	6.000.000.000	10,91	6.000.000.000	10,91
Cộng		55.000.000.000	100,00	55.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty hoạt động theo Điều lệ Hoạt động Công ty Chứng khoán được ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY****2.1. Quy mô vốn**

Vốn pháp định và vốn điều lệ theo Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần lượt là 35 tỷ đồng và 55 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn chủ sở hữu là 35,993,321,820 VND.

2.2. Mục tiêu đầu tư

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

2.3. Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ;

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư Số 334/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2016 sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư Số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành.

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3.5. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam có liên quan và Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư Số 334/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2016 sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư Số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn của CTCK), tiền đang chuyển, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - + Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - + Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- + Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- + Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Khoản lỗ do suy giảm giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo thu nhập toàn diện ngay khi phát sinh.

4.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được tiếp tục ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng (nếu có).

4.5. Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính, giá trị hợp lý là giá trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định; công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.10. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ của Công ty.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích đến ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Thuế giá trị gia tăng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT;
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.17. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4.19. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt tại quỹ	13.843.763	13.843.763
Tiền gửi ngân hàng	751.272.152	664.380.069
Các khoản tương đương tiền	26.100.000.000	27.512.000.000
Cộng	26.865.115.915	28.190.223.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại được chi tiết như sau:

Ngân hàng thương mại	Lãi suất	Kỳ hạn	Tại ngày 31/12/2017 VND
TMCP Sài Gòn Thương Tín	5,2%/năm	1 tháng	200.000.000
TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5,1% - 5,5%/năm	1 – 3 tháng	7.900.000.000
TMCP Phương Đông Việt Nam	5,4%/năm	3 tháng	18.000.000.000
Cộng			26.100.000.000

5.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Cửa Nhà đầu tư Cổ phiếu	7.645.939	76.459.390.000
Cộng	7.645.939	76.459.390.000

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ứng trước cho Công ty TNHH MTV Giải Pháp phần mềm F&B	610.000.000	510.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp khác	107.331.654	85.331.654
Cộng	717.331.654	595.331.654

5.4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu ông Lê Mươi	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu khách hàng về phí giao dịch ký quỹ và giao dịch chứng khoán	2.441.774.295	2.441.774.295
Phải thu dịch vụ tư vấn	769.000.000	903.000.000
Phải thu khách hàng khác	3.331.011.000	226.011.000
Cộng	9.041.785.295	6.070.785.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIAĐịa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác về ứng tiền bán chứng khoán	740.991.779	740.991.779
Phải thu về bảo hiểm xã hội	14.509.425	14.509.425
Cộng	755.501.204	755.501.204

5.6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Năm 2017 VND				Năm 2016 VND			
	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Ông Lê Mười	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải thu khách hàng về phí giao dịch ký quỹ và giao dịch chứng khoán	2.441.774.296	-	-	2.441.774.296	2.441.774.296	-	-	2.441.774.296
Công ty CP Tấn Phát và ứng trước cho các cá nhân khác	226.011.000	-	-	226.011.000	226.011.000	-	-	226.011.000
Công nợ phải thu khác	740.991.779	-	-	740.991.779	740.991.779	-	-	740.991.779
Cộng	5.908.777.075	-	-	5.908.777.075	5.908.777.075	-	-	5.908.777.075

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	1.162.815.525	3.954.438.208	155.276.792	5.272.530.525
Mua trong năm	-	79.750.000	-	79.750.000
Tại ngày 31/12/2017	1.162.815.525	4.034.188.208	155.276.792	5.352.280.525
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	194.495.795	3.149.199.713	32.275.335	3.375.970.843
Khấu hao trong năm	128.741.556	123.530.198	15.757.500	265.968.681
Tại ngày 31/12/2017	323.237.351	3.272.729.911	48.032.835	3.644.000.097
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	968.319.730	805.238.495	123.001.457	1.896.559.682
Tại ngày 31/12/2017	839.578.174	761.458.297	107.243.957	1.708.280.428

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.449.495.607 VND.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	6.194.825.426	42.000.000	6.236.825.426
Tăng khác	-	123.634.400	123.634.400
Tại ngày 31/12/2017	6.194.825.426	165.634.400	6.360.459.826
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	5.071.554.829	14.820.834	5.086.375.663
Khấu hao trong năm	475.311.698	8.400.000	483.711.698
Tăng khác	-	2.060.573	2.060.573
Tại ngày 31/12/2017	5.546.866.527	25.281.407	5.572.147.934
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	1.123.270.597	27.179.166	1.150.449.763
Tại ngày 31/12/2017	647.958.899	140.352.993	788.311.892

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.248.435.341 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	523.246.154	523.246.154
Tiền lãi phân bổ	410.859.778	353.341.411
Cộng	1.054.105.932	996.587.565

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	150.291.375	152.097.071	163.880.971	138.507.475
Thuế thu nhập cá nhân	49.957.090	119.941.553	110.866.576	59.032.067
Cộng	200.248.465	272.038.624	274.747.547	197.539.542

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	55.000.000.000	(16.741.064.638)	38.258.935.362
Lỗ trong năm trước	-	(997.561.137)	(997.561.137)
Số dư tại ngày 01/01/2017	55.000.000.000	(17.738.625.775)	37.261.374.225
Lỗ trong năm nay	-	(1.268.052.405)	(1.268.052.405)
Số dư tại ngày 31/12/2017	55.000.000.000	(19.006.678.180)	35.993.321.820

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bà Phạm Thị Nhật Thanh	19.600.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Thu Trang	14.700.000.000	-
Ông Huỳnh Đăng Khoa	14.700.000.000	-
Ông Đoàn Nguyên Thu	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Trần Xuân Huy	-	19.600.000.000
Ông Võ Duy Đạo	-	14.700.000.000
Bà Tạ Thị Phương Trang	-	14.700.000.000
Cộng	55.000.000.000	55.000.000.000

5.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.11.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.268.052.405)	(997.561.137)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	(1.268.052.405)	(997.561.137)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	(231)	(181)

5.12. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	-	3,82

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư:		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.129.219	12.102.502
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	8.301.524
Tài sản tài chính chờ thanh toán	49.310	110
Cộng	4.178.529	20.404.136
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền gửi của khách hàng:		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.338.053.536	1.148.412.745
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	-	300.636.353
Cộng	2.338.053.536	1.449.049.098
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả Nhà đầu tư của CTCK:		
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.142.664.636	1.253.660.198
Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	13.361.150	13.361.150
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	182.027.750	182.027.750
Cộng	2.338.053.536	1.449.049.098

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):		
Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL	800.073.100	26.076.000
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	-	65.500
Cộng	800.073.100	26.141.500
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):		
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.403.478.263	1.361.598.191
Cộng	1.403.478.263	1.361.598.191
Tổng cộng	2.203.551.363	1.387.739.691

5.14. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	428.206.403	518.070.840
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	281.818.182	-
Doanh thu hoạt động lưu ký	21.998.946	65.937.820
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính	1.364.246.910	4.555.454.546
Cộng	2.096.270.441	4.621.392.366

5.15. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	1.530.566.202	1.839.030.250
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	158.049.922	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	196.022.718	76.008.591
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	76.222.224	1.541.407.325
Chi phí khác	7.225.004	66.875.091
Cộng	1.968.086.070	3.523.321.257

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.292.674.462	1.568.288.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.999.873	149.497.805
Chi phí khấu hao	49.446.127	20.231.441
Thuế, phí và lệ phí	22.011.000	7.064.000
Chi phí thuê văn phòng	930.280.000	882.640.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.048.712.769	1.013.648.159
Chi phí bằng tiền khác	305.878.039	502.659.383
Cộng	<u>3.805.002.270</u>	<u>4.144.028.940</u>

5.17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ năm nay.

5.18. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ông Võ Duy Đạo	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 12 năm 2017)
2. Ông Nguyễn Thanh Nguyên Vũ	Giám đốc điều hành

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Giám đốc điều hành được chi tiết như sau:

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Giám đốc điều hành	202.228.000	130.449.000
Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	1.249.170.000
Cộng	<u>202.228.000</u>	<u>1.379.619.000</u>

5.19. Cam kết theo các hợp đồng thuê hợp đồng

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 06 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	930.280.000	882.640.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	968.212.164	844.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.720.716.800	2.196.480.000
Cộng	2.688.928.964	3.041.280.000

6. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Người lập

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ
Giám đốc điều hành

Được ủy quyền theo Quyết định
số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2017
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán trưởng

C. P. H. N.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334
F +84 236 363 3334

